

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính ban hành mới,
sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết
của Sở Giao thông vận tải**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 ngày 6 tháng 2010 của
Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 ngày 8 tháng 2017 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm
soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 ngày 10 tháng 2017 của
Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 547/QĐ-BGTVT ngày 10 ngày 5 tháng 2024 của Bộ
Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong
lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số
1493/TTr-SGTVT ngày 29/5/2024 về việc công bố danh mục thủ tục hành chính
sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở
Giao thông vận tải.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục thủ tục hành chính
ban hành mới, sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền giải
quyết của Sở Giao thông vận tải (có Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ký.

Bãi bỏ các nội dung công bố đối với các thủ tục hành chính đã được công
bố tại các số thứ tự: 1, 2, 3, 4, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16 mục II Phụ lục kèm


theo Quyết định số 305/QĐ-UBND ngày 02/02/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Nam Định về việc công bố danh mục thủ tục hành chính ban hành mới, sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải.

Bãi bỏ các nội dung công bố đối với các thủ tục hành chính đã được công bố tại số thứ tự 1 mục I; các số thứ tự 2, 3, 4, 5 mục II Phụ lục kèm theo Quyết định số 1049/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Nam Định về việc công bố danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, thay thế, bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải.

Bãi bỏ các nội dung công bố đối với các thủ tục hành chính đã được công bố tại các số thứ tự 1, 2, 3, 4, 7, 8, 9 mục A; các số thứ tự 1, 2, 3, 4, 5, 6 mục B Phụ lục kèm theo Quyết định số 639/QĐ-UBND ngày 31/3/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Nam Định về việc công bố danh mục thủ tục hành chính ban hành mới, sửa đổi thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Giao thông vận tải và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- VPCP (Cục KSTTHC);
- Công TTĐT tỉnh; Trang TTĐT VPUBND tỉnh;
- Lưu: VP1, VP11. 



CHỦ TỊCH


Phạm Đình Nghị

Phụ lục
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 6 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Nam Định)

I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Chấp thuận bố trí mặt bằng tổng thể hình sát hạch trung tâm sát hạch loại 1, loại 2	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Không	<ul style="list-style-type: none">- Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe;- Nghị định số 138/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ cơ sở đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe;- Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.
2	Cấp Giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe loại 1, loại 2 đủ điều kiện hoạt động	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận văn bản đề nghị	Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Không	<ul style="list-style-type: none">- Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ;- Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ.

II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

TT	Tên thủ tục hành chính	Nội dung sửa đổi	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia	Thành phần hồ sơ	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới; - Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.
2	Cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia	Thành phần hồ sơ	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Không	
3	Cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	Thành phần hồ sơ	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Không	
4	Cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	Kết quả TTHC; thành phần hồ sơ.	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Không	
5	Cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe	Kết quả TTHC; thành phần hồ sơ.	03 ngày làm việc, kể từ ngày đạt kết quả kiểm tra.	Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ; - Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ.

TT	Tên thủ tục hành chính	Nội dung sửa đổi	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí,lệ phí	Căn cứ pháp lý
6	Cấp lại Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe	Kết quả TTHC; thành phần hồ sơ.	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ; - Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ.
7	Cấp Giấy phép xe tập lái	Yêu cầu điều kiện	<ul style="list-style-type: none"> - 01 ngày làm việc, kể từ ngày cấp Giấy phép đào tạo lái xe cho cơ sở đào tạo. - 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ đối trường hợp cấp bổ sung 	Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Không	
8	Cấp lại Giấy phép xe tập lái	Yêu cầu điều kiện	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Không	
9	Cấp Giấy phép đào tạo lái xe ô tô	Thành phần hồ sơ	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe; - Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận

TT	Tên thủ tục hành chính	Nội dung sửa đổi	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
						tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.
10	Cấp lại Giấy phép đào tạo lái xe ô tô trong trường hợp điều chỉnh hạng xe đào tạo, lưu lượng đào tạo	Thành phần hồ sơ	03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra.	Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ; - Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ.
11	Cấp lại Giấy phép đào tạo lái xe ô tô bị mất, bị hỏng, có sự thay đổi liên quan đến nội dung khác	Thành phần hồ sơ	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Không	
12	Cấp lại Giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động	<ul style="list-style-type: none"> - Sửa lại tên thủ tục từ: “Cấp lại Giấy chứng nhận Trung tâm sát hạch lái xe loại 3 đủ điều kiện hoạt động” - Thành phần hồ sơ; thẩm quyền giải quyết. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp trung tâm sát hạch lái xe có sự thay đổi về thiết bị sát hạch, chủng loại, số lượng xe cơ giới sử dụng để sát hạch lái xe: Trong thời gian không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận văn bản đề nghị. - Trường hợp bị hỏng, mất, có sự thay đổi liên quan đến nội dung của giấy chứng nhận: Trong thời hạn không 	Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ; - Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ.

TT	Tên thủ tục hành chính	Nội dung sửa đổi	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			quá 03 ngày làm việc			
13	Cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô	Mẫu đơn, mẫu tờ khai; trình tự thực hiện.	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định	Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Không	- Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 của Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô; - Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.
14	Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép kinh doanh bị thu hồi, bị tước quyền sử dụng	Mẫu đơn, mẫu tờ khai; trình tự thực hiện.	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định	Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Không	- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ; - Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ.
15	Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô đối với trường hợp Giấy phép kinh doanh bị mất, bị hỏng	Mẫu đơn TTHC; trình tự thực hiện.	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định	Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Không	- Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 của Chính phủ; - Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ; - Thông tư số 12/2020/TT-BGTVT ngày 29/5/2020 của Bộ Giao thông
16	Cấp phù hiệu xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách: bằng xe ô tô theo tuyến cố định, xe trung chuyển, bằng xe buýt theo tuyến cố định,	Trình tự thực hiện; thành phần hồ sơ.	02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định	Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Không	- Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 của Chính phủ; - Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ; - Thông tư số 12/2020/TT-BGTVT ngày 29/5/2020 của Bộ Giao thông

TT	Tên thủ tục hành chính	Nội dung sửa đổi	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	bằng xe taxi, xe hợp đồng; kinh doanh vận tải hàng hóa: bằng xe công-ten-nơ, xe ô tô đầu kéo kéo rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc, xe ô tô tải kinh doanh vận tải hàng hóa thông thường và xe taxi tải)					vận tải; - Thông tư số 20/2021/TT-BGTVT ngày 04/02/2021 của Bộ Giao thông vận tải.
17	Cấp lại phù hiệu xe ô tô kinh doanh vận tải (kinh doanh vận tải hành khách: bằng xe ô tô theo tuyến cố định, xe trung chuyển, bằng xe buýt theo tuyến cố định, bằng xe taxi, xe hợp đồng; kinh doanh vận tải hàng hóa: bằng xe công-ten-nơ, xe ô tô đầu kéo kéo rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc, xe ô tô tải kinh doanh vận tải hàng hóa thông thường và xe taxi tải)	Trình tự thực hiện; thành phần hồ sơ.	02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định	Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Không	- Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 của Chính phủ; - Nghị định số 47/2022/NĐ-CP ngày 19/07/2022 của Chính phủ; - Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ; - Thông tư số 12/2020/TT-BGTVT ngày 29/5/2020 của Bộ Giao thông vận tải; - Thông tư số 20/2021/TT-BGTVT ngày 04/02/2021 của Bộ Giao thông vận tải;
18	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương	Mẫu đơn, mẫu tờ khai;	02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành	Không	- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ;

TT	Tên thủ tục hành chính	Nội dung sửa đổi	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	tiện của các nước thực hiện các Hiệp định khung ASEAN về vận tải đường bộ qua biên giới	trình tự thực hiện.	đúng theo quy định	chính công, XTĐT và HTDN tỉnh		- Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ.
19	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Trung Quốc	Trình tự thực hiện	02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định	Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Không	- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ; - Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ.
20	Cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào	Kết quả TTHC; trình tự thực hiện.	02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định	Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Không	
21	Cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào	Kết quả TTHC; trình tự thực hiện.	02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định	Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Không	
22	Cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào	Thành phần hồ sơ; trình tự thực hiện.	02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định	Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Không	

TT	Tên thủ tục hành chính	Nội dung sửa đổi	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
23	Cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào	Thành phần hồ sơ; trình tự thực hiện.	02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định	Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ; - Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ.
24	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào	Trình tự thực hiện	02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định	Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Không	
25	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Campuchia	Trình tự thực hiện	02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định	Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Không	
26	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào, Campuchia	Trình tự thực hiện	02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định	Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Không	
27	Đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	Kết quả TTHC; trình tự thực hiện.	02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định	Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Không	

TT	Tên thủ tục hành chính	Nội dung sửa đổi	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
28	Ngừng khai thác tuyến, ngừng phương tiện hoạt động trên tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	Mẫu đơn, mẫu tờ khai; kết quả TTHC; trình tự thực hiện.	02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định	Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ; - Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ.
29	Bổ sung, thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	Trình tự thực hiện	02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định	Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Không	
30	Điều chỉnh tần suất chạy xe trên tuyến Việt Nam, Lào và Campuchia	Mẫu đơn, mẫu tờ khai; kết quả TTHC; trình tự thực hiện.	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận văn bản đề nghị	Trung tâm Phục vụ hành chính công, XTĐT và HTDN tỉnh	Không	